Chương 28

GIÁO DỤC

I. GIÁO DỤC Ở SÓC TRĂNG THỜI PHONG KIẾN

Do nhu cầu cuộc sống và truyền thống hiếu học vốn có từ nơi quê cũ đã thúc bách những lưu dân tìm thầy, tổ chức trường lớp cho con em đi học. Tuy nhiên việc học ở giai đoạn này hoàn toàn mang tính tự phát do từng nhóm dân cư lo liệu, chính quyền phong kiến chưa quan tâm nhiều về vấn đề này. Học chữ lúc bấy giờ là chữ Hán - Nôm, còn việc dạy và học có nhiều cách: học tại nhà, học tại lớp có thầy dạy, học ở các chùa do nhà sư phụ trách… Ông Trần Thiện Hùng, gần 90 tuổi, ở xã Mỹ Quới, huyện Ngã Năm kể: "Gia đình ông từ Miền Trung đến đây khai hoang sinh sống ở xóm Bàu Sàng (nay là ấp Mỹ Đông, xã Mỹ Quới), nhưng trước đó vào cuối thế kỷ XIX đã có nhiều người từ vùng trên xuống khai hoang, định cư lập thành các xóm như: xóm Bàu Sàng, xóm Miễu Ông Tà Trắng, xóm Lung Sen, xóm Lung… lập chợ Kha na rộn, lập miếu Bà Chúa Xứ, xây dựng đình làng Mỹ Quới và lập trường dạy chữ quốc ngữ, không có thầy đồ dạy chữ Hán, nhưng mấy đời về trước có một vài cụ biết chữ Hán do được học ở quê cũ miền Trung và ở các vùng Sa Đéc, Mỹ Tho, Cai Lậy, Vĩnh Long, Trà Vinh… đến, các cụ dạy cho con cháu trong nhà, nhờ vậy mà các đời sau này cũng biết được ít chữ Hán".

Ông Đoàn Thông, sinh năm 1914 kể rằng dòng tộc gia đình ông cũng từ miền Trung đến định cư ở Đại Ân cặp sông Hậu thuộc huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Cách khoảng 3 đến 4 đời về trước thì ông không nhớ nhưng từ đời ông nội của ông là Đoàn Văn Gạo và cha ông là Đoàn Văn Trà đều là thầy giáo dạy chữ Hán.

Qua những dẫn liệu trên cho thấy, giáo dục của tỉnh Sóc Trăng cũng như của một số tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ phong kiến rất hiếm thầy, hoặc hiếm các trường dạy chữ Hán. Số người giỏi chữ Hán không nhiều, người biết chữ Hán, không những học ở gia đình mà còn học ở chùa của người Kinh.

Về người Khmer ở Sóc Trăng, đa số đồng bào cư trú trên các giồng, trong các phum, sóc hoặc sống xen kẽ với người Kinh, người Hoa. Chùa Khmer không chỉ là nơi tu hành đơn thuần mà ở đây còn là nơi dạy chữ Khmer cho trẻ em, dạy chữ Phạn cho vài nhóm sư sãi trẻ tuổi, dạy một số nghề thủ công cho sư sãi và thanh thiếu niên Khmer. Một số chùa Khmer còn có cả sala lưu trữ các thư tịch cổ, các hiện vật văn hóa, lịch sử. Khi đảm đương công việc giáo dục cho trẻ em với một số lớp học, chùa Khmer có vài vị sư hay các vị achar phụ trách. Ngoài việc dạy chữ, các vị sư và achar còn dạy trẻ em điều hay lẽ phải, răn dạy về đạo đức, về cách cư xử lễ phép. Thời đó, con em đồng bào Khmer độ 5 - 6 tuổi thường đến chùa để học chữ. Riêng với trẻ em trai thì đây là lớp dự bị cho các em đi tu vào lứa tuổi 12 theo tập tục của người Khmer, mục đích để báo hiếu cho cha mẹ. Tùy theo nguyện ước, các em có thể tiếp tục tu học suốt đời, hoặc có thể chỉ vài tháng, vài năm rồi xuất tu.

Theo ông Sorya, nhà sư Tăng Nô và nhà giáo Nhân dân Lâm Es kể, vào thời kỳ phong kiến, trước khi thực dân Pháp xâm lược (năm 1867), trường học ở trong khuôn viên nhà chùa, học chữ gắn liền với học giáo lý, chữ viết trong các sách thường là chữ Pali, có khi là chữ Phạn trên lá thốt nốt. Vì thế, những người tu hành đều được các nhà sư dạy chữ Pali hay chữ Phạn để có thể học được giáo lý. Các nhà sư biết đến đâu, dạy đến đó, chỉ có một số người học hết chương trình sơ cấp Pali, còn hầu hết là chỉ dừng ở mức biết đọc, biết viết. Muốn học lên trung cấp Pali phải sang Campuchia, còn học cao cấp phải sang Thái Lan. Tỉnh Sóc Trăng có ông Huỳnh Cương học xong trung cấp ở Campuchia và ông Đinh Praoh học cao cấp Pali ở Thái Lan (tương đương trung học cơ sở và trung học phổ thông ngày nay).

Ở những nơi đồng bào Hoa sống tập trung thường có miếu, hội quán, từ đường, trường học riêng nhưng đều xen kẽ với các đình, chùa, miếu của người Kinh và người Khmer, điều đó thể hiện sự hòa đồng giữa 3 dân tộc tại Sóc Trăng. Người Hoa và các trường học Hoa văn ở Sóc Trăng có mối quan hệ chặt chẽ với đồng bào Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn, thông qua hoạt động kinh tế và những mối quan hệ thân tộc, đồng hương.

II. GIÁO DỤC Ở SÓC TRĂNG THỜI PHÁP THUỘC (1858 - 1945)

Việc học hành của người Hoa ban đầu học từ những người trong thân tộc hay ở chùa, miếu, về sau đồng bào Hoa lập trường riêng (đều là trường tư). Theo ông Đỗ Thụy Quân, ông Trần Chấp và những người lớn tuổi trước đây kể lại, trường học đầu tiên của cộng đồng người Hoa ở Sóc Trăng là trường Kiều Thanh (nay ở đường 3/2); sau đó có trường Hoa kiều (nay ở đường Hai Bà Trưng). Các lớp dạy ở trên lầu, còn dưới đất là Hội quán; ngoài ra còn có Trường Cường Huê (nay ở đường Cách mạng Tháng Tám), thị xã Sóc Trăng. Về sau những nơi có đông người Hoa sinh sống đều mở trường như Bãi Xàu, thị trấn Vĩnh Châu, Vũng Thơm, Bố

Thảo… Mỗi trường hằng năm thu nhận khoảng 60 - 70 học sinh.

Dần dần về sau mới có trường quy mô lớn hơn như Trường Quốc Quang ở thị trấn Bãi Xàu và Trường Tân Trung gần đầu doi Vọng Thoàng (nay ở đường Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng) có khoảng 700 học sinh, 30 giáo viên do ông Hoàng Thông làm hiệu trưởng, ông Trương Minh Chánh là Đổng sự trưởng của nhà trường. Đây là trường sơ học (dạy từ lớp 1 đến lớp 3), đến năm 1950 trường xây dựng 2 tầng kiên cố, nhiều phòng học, có cả nhà nội trú cho giáo viên (nay là số 140, đường Lý Thường Kiệt). Trường này mang tên mới là Trường Sơ trung Trung Hoa, sau đó là Trường Dục Anh (từ lớp 1 đến lớp 9). Hằng năm trường có khoảng 1.200 học sinh, 50 giáo viên. Mọi chi phí từ xây dựng lớp học đến trả lương cho giáo viên đều do đồng bào Hoa đóng góp. Nội dung học chữ Quốc ngữ theo chương trình chung, chữ Hoa học theo sách Hoa văn Trung Quốc - Bộ sách "Quốc dân thư cuộc" (Nhà xuất bản Hiện đại ở Hồng Kông), loại sách này từ sơ học đến cao trung. Trường không có giáo viên nhà nước, chủ yếu là giáo viên người Hoa như thầy Vương Quốc Trị ở thị xã Sóc Trăng, thầy Quách Thiện Truyền, cô Khoa Kiên ở Bãi Xàu… Một số học sinh người Hoa ở Lào, Campuchia đến học. Đây là trường lớn thứ hai ở Đông Dương thời đó (sau trường Hoa - Hoa ở Sài Gòn). Đặc biệt trường Tân Trung ở tỉnh lỵ, trường Quốc Quang ở Bãi Xàu sau này đều là "cái nôi căn cứ địa của phong trào cách mạng người Hoa"[1] là cơ sở của tổ chức cách mạng trong đồng bào Hoa.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, người Pháp có sự quan tâm đến giáo dục để đào tạo những người bản xứ phục vụ cho chính quyền thực dân.

Ngày 24-6-1867, ba tỉnh Nam Kỳ rơi vào tay thực dân Pháp; đến tháng 11, thực dân Pháp ban hành quy chế giáo dục; lập 6 trường tiểu học ở Nam Kỳ tại các địa danh sau: Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Bến Tre, Sóc Trăng, Cần Thơ.

Ngày 6-4-1878, đô đốc Duperré ra nghị định, trong đó có những khoản như: cho truyền bá chữ quốc ngữ nhất là sau khi được coi là chữ viết chính thức.

- Ngày 1-1-1882, các công văn, nghị định, văn bản niêm yết công khai phải viết bằng chữ Quốc ngữ La tinh;

- Kể từ ngày 16-6-1882, những ai biết chữ Quốc ngữ mới được bổ sung vào bộ máy cai trị từ cấp tổng trở lên và mới đươc thăng trật, lên lương;

- Ngày 17-3-1879, Sở Học chính Nam Kỳ được thành lập;

- Ngày 14-6-1880, Thống đốc Le Myre De Vilers lại ban hành nghị định bắt buộc lập trường dạy quốc ngữ ở các làng, xã và phát không tờ *Gia Định báo* về tận cơ sở"[2].

Hàng loạt những chủ trương trên đây của chính quyền thuộc địa cho thấy rất

1. Báo *Giải Phóng Hoa văn,* số 11- tháng 10, 1993, tr. 5.

2. *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 821, 822.

rõ chủ trương và âm mưu thiết lập nền giáo dục nô dịch ở Nam Kỳ ngay từ buổi đầu. Tất nhiên, nền giáo dục đó không phải vì mục đích mở mang tri thức cho dân chúng mà là để cấp tốc đào tạo đội ngũ tay sai người "bản xứ". Việc thực dân Pháp đưa chữ Quốc ngữ Latinh vào bậc tiểu học còn có ý định làm nền tảng cho việc dạy tiếng Pháp về sau được thuận lợi.

Cùng với việc mở trường trong nước, thực dân Pháp cũng chọn gửi một số học sinh, trước hết là con cái của những người trung thành với chính quyền thực dân Pháp, sang Pháp để đào tạo nhằm sau này sử dụng, nhưng thực dân Pháp cũng tìm mọi cách hạn chế việc xuất ngoại du học của người Kinh Nam. Đại đa số nhân dân lao động còn mù chữ.

Ngoài việc tạo điều kiện để phát triển kinh tế phục vụ cho chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chúng còn xây dựng cả những công trình phục vụ đời sống tinh thần như khu địa hạt đạo Thiên Chúa Sóc Trăng có đủ nhà thờ, chủng viện, trường học đào tạo học sinh Thiên Chúa, khu tu viện, bệnh viện và hai trường tiểu học trên địa bàn tỉnh lỵ Sóc Trăng: trường Nữ (chỗ Hoa Viên 2), trường Nam (Công viên Bạch Đằng hiện nay). Đây là hai trường lớn, đông học sinh nhất nhì trong tỉnh, dạy hết tiểu học (lớp nhất); còn các trường làng, xã chỉ dạy đến lớp tư, lớp ba; muốn học lớp nhì, lớp nhất phải lên tỉnh, muốn học trung học (cấp 2) phải lên Cần Thơ (đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cả Nam Kỳ chỉ có hai trường Collège (cấp 2) đặt ở thành phố Mỹ Tho và Cần Thơ); học tú tài (cấp 3) phải nộp đơn xin thi vào trường Lycée Petrus Ký Sài Gòn. Những học sinh ở các tỉnh chen chân được vào trường này không phải dễ, trường này ít có thầy giáo người Kinh dạy mà chủ yếu là thầy giáo người Pháp.

Ở Sóc Trăng, ngoài hệ thống trường Pháp - Việt (gồm trường tiểu học ở tỉnh lỵ và một số trường làng, xã) còn có nhiều trường Pháp – Khmer. Loại trường này của người dân Khmer vẫn học trong khuôn viên nhà chùa như trước đây nhưng tách học giáo lý ra khỏi trường học, học theo chương trình như của người Kinh, còn học chữ Khmer theo chương trình sách của Campuchia. Thầy dạy tạm thời là sư sãi hoàn tục được học bồi dưỡng phương pháp sư phạm ở tỉnh hoặc ở huyện. Nơi đây giáo viên phải dạy đúng theo chương trình của các trường Việt Nam thuần túy, nên lúc đầu phải giải thích bằng tiếng Khmer ở các lớp năm, lớp tư (lớp 1, 2 ngày nay) để các em vừa nói được tiếng Việt, vừa theo được chương trình Việt ngữ làm cơ sở để sau này học ở các lớp trên. Có một số thầy tốt nghiệp sư phạm của Pháp ở Sài Gòn được bổ nhiệm làm giáo viên chính ngạch như thầy Trịnh Thới Cang dạy trường Samacum, Đốc Thi, thầy Út ở Sóc Trăng, thầy Cát ở Vũng Thơm, thầy Khiết ở Vĩnh Phước - Vĩnh Châu, thầy Dân, thầy Văn Thol…

Vào những năm đầu thế kỷ XX, ở những nơi tập trung dân cư đều có trường học như huyện Mỹ Xuyên có

Trường Tiểu học Bãi Xàu, Cổ Cò, Dương Kiển (nay thuộc thị trấn Mỹ Xuyên, Ngọc Tố, Hòa Tú 2) mỗi trường có 3 đến 4 phòng học bằng gỗ lợp ngói, thầy giáo của nhà nước được tỉnh bổ xuống (do đốc học tỉnh điều hành, phân công), học sinh khoảng 150 người đều thuộc con em nhà giàu có, khá giả.

Ở huyện Kế Sách ngoài một số trường làng, mãi đến năm 1931 mới có trường tiểu học ở thị trấn với 23 học sinh lớp 5 (tức là lớp một ngày nay) do thầy Búp phụ trách, từ năm 1932 đến năm 1936 tăng dần lên lớp tư, lớp ba, lớp nhì đến lớp nhất (tức là lớp 2, 3, 4 ngày nay) do thầy Đẩu, thầy Ngươn, Nguyễn Văn Trân, Trần Văn Nhơn phụ trách, năm 1940, mở thêm 2 lớp khoảng 60 học sinh do thầy In phụ trách.

Tại thị trấn Ngã Năm (huyện Ngã Năm ngày nay) đến năm 1930 mới có một trường sơ cấp (từ lớp 1 đến lớp 3 ngày nay) với 2 phòng học và 3 lớp khoảng 75 học sinh, thầy Nhậm dạy lớp 3, thầy Chơn dạy lớp tư và lớp đồng ấu; nội dung học đều theo chương trình chung lúc bấy giờ (chương trình Việt - Pháp học chữ quốc ngữ và Pháp ngữ).

Trong thời kỳ Pháp thuộc, trường lớp được lập ra chỉ dành cho những người giàu có, những người dân nghèo, đặc biệt là nông dân và giới nữ hầu như không được học hành. Trong toàn tỉnh, hằng năm có khoảng 1.500 học sinh ở các cấp học đạt tỷ lệ (170/1) nghĩa là cứ 170 người có một người được đi học. Như vậy, tỷ lệ người được đưa đi học ở Sóc Trăng thấp hơn tỷ lệ chung của các tỉnh Nam Kỳ lúc bấy giờ (trừ Sài Gòn tỷ lệ này còn thấp hơn với 120 người mới có một người đi học).

Ở Sóc Trăng nhiều thế hệ học sinh và giáo chức đã có những cống hiến xuất sắc trong các cuộc cách mạng trong những thập niên đầu thế kỷ XX. Thầy cô giáo và học sinh đã sớm tiếp thu ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, ươm mầm cho những hạt giống đỏ nẩy nở trên quê hương Sóc Trăng ngay từ những buổi đầu thành lập Đảng. Trong số các học sinh, thầy cô giáo có thầy giáo Lê Giáo Huấn (tức Lê Hoàng Chu), lúc nhỏ thầy sống với ông bà ngoại (ông ngoại là nhà Nho ở tỉnh Trà Vinh, có nhiều học sinh theo học), thầy được ông ngoại nuôi ăn học, đến năm 15 tuổi thi đậu tiểu học (lớp 5 ngày nay), giữa lúc ấy cha của thầy cùng nông dân trong vùng đấu tranh đòi ruộng đất bị bọn địa chủ cường hào chiếm đoạt, năm 1926, gia đình bị đàn áp phải rời quê hương lưu lạc đến trường làng Mỹ Quới - Thạnh Trị - Sóc Trăng. Đến đây thầy dạy học trường làng Mỹ Quới cùng với thầy Văn Kiết Thể.

Đến giữa năm 1930, Chi bộ Đảng làng Mỹ Quới được thành lập, đồng chí Trần Văn Bảy được cử làm Bí thư, các đảng viên thuộc chi bộ gồm: thầy giáo Lê Hoàng Chu, Trương Quý Thể, Trần Văn Tám, Châu Văn Phát... Lúc này, thầy Lê Hoàng Chu vừa hoạt động cách mạng vừa dạy học, những người tham gia cách mạng ở vùng này có nhiều người đã từng là học trò của thầy, như các ông: Trần Văn Bảy (Bí thư chi bộ đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng); ông Ngô Tám - Bí thư

Tỉnh ủy Sóc Trăng trong những năm 1951 - 1954; bà Ngô Thị Huệ là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên và các khóa II, III, IV, V tiếp theo, nguyên Vụ Trưởng Vụ Tổ chức thuộc Ban Tổ chức Trung ương Đảng; bà Lê Thị Bảy (Bảy Lê), nguyên Thường Vụ Tỉnh ủy Hậu Giang; ông Trần Văn Trừ, nguyên Bí thư Huyện ủy huyện Hồng Dân…

Ở huyện Kế Sách, có thầy giáo Lê Văn Lợi (giáo Lợi) quê ở Sa Đéc, tham gia hoạt động cách mạng. Bị địch phát hiện và truy lùng, thầy đến xã Song Phụng hoạt động cùng ông Nguyễn Trung Tỉnh. Đến năm 1935, đồng chí Nguyễn Ngươn Hanh giới thiệu thầy Lê Văn Lợi với đồng chí Phan Văn Bảy, đồng thời tổ chức kết nạp Đảng cho thầy Lê Văn Lợi và ông Nguyễn Trung Tỉnh, thành lập Chi bộ đảng An Lạc Thôn hoạt động trên địa bàn 3 xã: Ba Trinh, An Lạc Thôn, Thới An Hội.

Ở Mỹ Xuyên có ông Lương Đơn Quế, học sinh trường làng Đình Hòa Tú được kết nạp Đảng ngày 10-9-1938, sau là Bí thư huyện Thạnh Trị (1946 - 1948) rồi Bí thư huyện Châu Thành (nay là huyện Mỹ Tú) những năm 1949 - 1954. Ở Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu có ông Ngô Hòa Hện (sinh 1907), con của nhà nho Ngô Thiên Ích. Ông học ở trường tiểu học Bãi Xàu, vào Đảng tháng 6-1931, là Bí thư Chi bộ xã Lạc Hòa, huyện Vĩnh Châu năm 1936.

Ở tỉnh lỵ Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng) có ông Phan Văn Chiêu, học sinh Trường Nam tiểu học. Năm 1933, tốt nghiệp bằng Thành chung (Diplôme), sau dạy Trường Nguyễn Du (Sài Gòn). Năm 1935, về Sóc Trăng hoạt động cách mạng, là Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng (1946 - 1949), Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp năm 1960 và là Đại biểu Quốc hội các khóa I, II, III. Thầy Huỳnh Văn Dương trước là một học sinh giỏi, đậu bằng Thành chung rồi thi đậu vào Trường Sư phạm, được đào tạo làm giáo viên. Thầy Huỳnh Văn Dương tham gia cách mạng, sau đó được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng (1950 - 1951). Đất Sóc Trăng còn có những người con là học sinh ở quê hương miền Bắc: đó là ông Nguyễn Ngọc Nguyên (tức Song Mỹ) sinh năm 1906 ở Tiền Hải, Thái Bình, tốt nghiệp bậc tiểu học, đang học bậc trung học, biết cả tiếng Pháp và tiếng Hán. Ông cùng với 30 thanh niên đi vào đồn điền cao su Phú Riềng (Đông Nam Bộ) làm công nhân cao su, tham gia cách mạng năm 1930, năm 1931 công tác ở Sài Gòn đến tháng 6-1943 được Xứ ủy điều về Sóc Trăng cùng với 4 đồng chí khác, nhà ở đường Lý Thường Kiệt làm nghề dệt vải ta, là Tỉnh ủy viên trong những năm 1948 - 1951.

Đất Trường Khánh trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX và sau này nhiều người biết đến thầy giáo tiểu học Trương Phước Lâm, người đã dạy ông Dương Kỳ Hiệp qua chương trình tiểu học tư thục Điền Quận, sau ông Dương Kỳ Hiệp lên Sài Gòn tiếp tục học Trường Cao đẳng tiểu học ở trường tư Huỳnh Khương Ninh, nhờ đó được giao tiếp với bạn bè có khuynh hướng cách mạng. Ông Dương

Kỳ Hiệp tham gia và được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầu năm 1929, sau về Sóc Trăng hoạt động đến 1945 - 1946 làm Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Sóc Trăng, tháng 4-1975 là Quyền Bộ trưởng Bộ Kinh tế Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Thầy giáo Trương Phước Lâm còn dạy dỗ người con gái đầu lòng Trương Thị Thu học xong trường làng, cô thi vào học trường Nữ tỉnh lỵ, sau thi đậu bằng Sơ học yếu lược rồi tham gia cách mạng năm 1946, đến 1950 là Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Sóc Trăng. Thầy Nguyễn Văn Vàng dạy trường Nam Tiểu học có con thứ sáu là Nguyễn Văn Thơm. Ông Nguyễn Văn Thơm học ở trường Nam, đến năm 1935 thi đậu tiểu học, năm 1938 lên Sài Gòn thi đậu trường Bá Nghệ, năm 1944 làm cho hãng Hàng không Pháp (Air - France) ở Biên Hòa, tháng 5-1945 về Sóc Trăng tham gia cách mạng, đến 1949 - 1950 là Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội trưởng Sóc Trăng. Có gia đình từ Cần Đước - Long An đến Mỹ Tú làm ăn sinh sống như gia đình ông Trà Văn Tốt. Ông lớn lên học ở trường làng đình Mỹ Tú, đến năm 1939 thi đầu bằng sơ học, năm 1942 lên Sài Gòn học trường tư thục Paul Doumer, cuối năm 1943 về Sóc Trăng tham gia cách mạng, đến năm 1950 là Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Trong dân tộc Khmer phải nói đến gia đình ông Thạch Sên; cha ông do bị áp bức bóc lột nghèo khổ, không tiền đóng thuế thân ở xã Nguyệt Hóa - Châu Thành tỉnh Trà Vinh lưu lạc đến Vũng Thơm sinh sống. Năm 13 tuổi mẹ mất sớm, Thạch Sên vào chùa tu học, học hết sơ học ở chùa. Đại đức chùa Vũng Thơm gửi lên học tiếp trường Samacum (tỉnh lỵ Sóc Trăng) trường Pháp - Khmer theo chương trình tiểu học. Khi Pháp chiếm Sóc Trăng lần thứ hai (năm 1946), năm 1947 ông tham gia Hội nông dân cứu quốc ở ấp Cây Sộp, xã Phú Nổ, năm 1948 hoạt động Hội I Xa Rắc tỉnh Sóc Trăng, năm 1951 phụ trách Ban Đào tạo cán bộ Khmer (mở được 5 lớp, mỗi lớp 50 - 80 cán bộ). Năm 1954, ông là Tỉnh ủy viên, năm 1956, là Phó Bí thư bí mật Tỉnh ủy Sóc Trăng, đến năm 1979 làm Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang, năm 1985 nghỉ hưu (từ trần năm 1995).

Ngoài ra còn có thầy Nguyễn Văn Nghĩa (Đốc Nghĩa) tham gia cách mạng sau là Phó Vụ trưởng Vụ Bảo tồn, Bảo tàng Bộ Văn hóa - Thông tin; thầy Tô Bửu Giám dạy trường tiểu học Mỹ Xuyên, sau là Phó Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, thầy Nguyễn Văn Quý dạy Trường Taberd, sau là Thường vụ Thị ủy Sóc Trăng; thầy Trương Văn Biên dạy trường tiểu học Bãi Xàu, sau là Trưởng ty Giáo dục tỉnh Hậu Giang; khi Pháp đánh chiếm Sóc Trăng (4-1-1946) có cả đốc học (đốc học tỉnh thời Pháp trước năm 1945 tương đương như giám đốc sở giáo dục ngày nay) và nhiều thầy cô giáo đã rời tỉnh lỵ ra bưng biền cùng toàn dân tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (khoảng gần 100 giáo chức, công chức).

III. GIÁO DỤC Ở SÓC TRĂNG THỜI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)

Đặc điểm trong giai đoạn này ở Sóc Trăng cũng như ở toàn bộ Nam Bộ đã hình thành 2 khu vực giáo dục và 2 hệ thống giáo dục khác nhau: hệ thống giáo dục của Pháp và hệ thống giáo dục của cách mạng.

1. Giáo dục ở vùng bị tạm chiếm

Hệ thống giáo dục ở vùng bị tạm chiếm, bao gồm các thị xã, thị trấn, vùng ven các con đường chiến lược có đồn bốt địch canh giữ theo hệ thống giáo dục của Pháp. Chương trình ở đây vẫn có nội dung cũ như thời Pháp thuộc, được sơn phết bằng hình thức giả hiệu như "Nam Kỳ tự trị" hay "Chính phủ Nam phần" của Bảo Đại.

Thực tế giáo dục ở vùng Pháp kiểm soát cũng không được quan tâm đúng mức. Ở thị xã Sóc Trăng, ngoài trường công lập như trước đây (như trường Nam, trường Nữ, trường Taberd, trường Samacum) còn một số trường tư. Từ năm 1945 đến cuối năm 1951 nơi đây vẫn không có trường trung học, đến năm 1952 mới có trường trung học bán công là Trường Phụ huynh học sinh và 3 trường học tư thục: Trung học La San, Trung học Providence (đệ nhứt cấp), Trung học Trần Văn (đệ nhứt cấp). Số trường, lớp, học sinh ở vùng địch tạm chiếm qua các năm học ở toàn tỉnh như sau: (ở bậc tiểu học)

Năm 1945 - 1946 có 73 trường, 154 lớp, 5.975 học sinh; năm 1947 có 17 trường, 57 lớp, 2.420 học sinh; năm 1948 có 13 trường, 62 lớp, 2.667 học sinh; năm 1949 có 31 trường, 112 lớp, 4.908 học sinh; năm 1950 có 40 trường, 148 lớp, 7.049 học sinh; Năm 1951 có 43 trường, 170 lớp, 7.731 học sinh; năm 1952 có 46 trường, 188 lớp, 8.086 học sinh; năm 1953 có 48 trường, 198 lớp, 8.431 học sinh; năm 1954 có 46 trường, 200 lớp, 8.521 học sinh[1].

Ở Sóc Trăng thời kỳ này phần lớn thầy cô giáo ở các trường đều có cảm tình với cách mạng, có người là cơ sở nội tuyến. Do đó họ có điều kiện liên lạc với cách mạng, tiếp nhận những tài liệu giáo dục kháng chiến đưa vào giảng dạy trong một số bộ môn, nhứt (nhất) là môn văn và sử. Các thầy cũng đã cố gắng vận dụng những quan điểm tiến bộ để truyền thụ, khơi dậy những tư tưởng yêu nước trong học sinh một cách kín đáo.

2. Giáo dục ở vùng kháng chiến

Trước khi Pháp đánh chiếm thị xã Sóc Trăng ngày 4-1-1946, Ủy ban kháng chiến ra lệnh đóng cửa các cơ quan, bệnh viện, trường học, tất cả nhân viên được hướng dẫn tản cư khỏi tỉnh lỵ.

Sau khi chiếm đóng tỉnh lỵ Sóc Trăng và các quận, thị tứ quan trọng, địch càn quét, khủng bố, đóng đồn, lập tề, lùng sục, bắt bớ, bắn giết cán bộ, đảng viên, du kích và những người yêu nước. Lực lượng ta tạm thời rút khỏi tỉnh lỵ, về căn cứ của Khu ở Ngan Dừa. Trước tình hình ấy, ngày 12-3-1946 Tỉnh ủy

1. *Địa phương chí tỉnh Ba xuyên,* 1974, tr. 74, tài liệu từ Cục Lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh.

quyết định trở về nông thôn, bám dân củng cố cơ sở, xây dựng phong trào kháng chiến.

Trong thời gian này chủ tỉnh Bac Ten (Bartel) ra bố cáo "kêu gọi các công chức trước đây phục vụ cho chính phủ Pháp, nay bỏ hàng ngũ Việt Minh, quay về làm việc cho Pháp sẽ được trọng dụng". Biết được tin tức ấy, các đồng chí lãnh đạo của ta chủ trương cho một số công chức, trí thức trở lại nội ô làm việc cho Pháp, trong đó có các thầy giáo, tạo thế hợp pháp để tiếp tục hoạt động cách mạng như các ông Đốc Truyện, ông Đốc Giỏi, thầy giáo Khỏe, thầy Đoàn Thông, ông Đốc Cự…

Đến cuối tháng 10-1946, do yêu cầu mở rộng cuộc kháng chiến, tăng cường lực lượng kháng chiến, đồng chí Dương Kỳ Hiệp thay mặt Tỉnh ủy viết thư kêu gọi lực lượng trí thức, công chức thành thị ra chiến khu tham gia đánh thực dân Pháp. Đáp lời kêu gọi tham gia kháng chiến, trên 70 giáo viên, công chức đang làm việc trong bộ máy chính quyền Pháp tại tỉnh lỵ Sóc Trăng, chỉ trong một đêm đã đồng loạt ra bưng biền tham gia kháng chiến. Trong số này nhiều người trở thành cán bộ lãnh đạo trong các ban, ngành của tỉnh. Trường Đảng của tỉnh sớm được thành lập (tháng 2-1947) để đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp trong tỉnh.

Tháng 2-1948, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh còn đề ra chủ trương: "… tiếp tục mở các lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa, xây dựng trường lớp phổ thông cho con em cán bộ và nhân dân lao động được học hành…", đến tháng 10-1948 Ban Tuyên huấn tỉnh được thành lập (sau là Ban Tuyên - Văn - Huấn - Giáo) trong đó đồng chí Hà Văn Cự là Ủy viên Ban, Trưởng Ty Giáo dục.

Ở vùng kháng chiến, sau thời gian ổn định tình hình, củng cố lại tổ chức, chính quyền cách mạng (Ủy ban kháng chiến) bắt tay ngay vào xây dựng ngành giáo dục từ tỉnh đến xã để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Các trường lớp được dựng lên, phần lớn bằng cây lá. Do nhu cầu của việc học ngày càng nhiều nên đội ngũ giáo viên tăng lên nhanh. Tuy ban đầu không tránh khỏi có một số lúng túng, nhưng dần dần Ty Giáo dục đã nghiên cứu sắp xếp lại chương trình, bố trí đội ngũ thầy giáo giảng dạy theo chương trình thống nhất của Sở Giáo dục Nam Bộ biên soạn.

Tại tỉnh, sau trường Đảng, đến quý II năm 1951, Tỉnh ủy cho phép lập trường Văn Chính là trường bổ túc văn hóa và chính trị dành cho cán bộ, đảng viên theo học do đồng chí Nguyễn Văn Bá (cán bộ của Ty Giáo dục) làm Phó Hiệu trưởng. Ở một số huyện cũng ở trường Văn Chính như huyện Châu Thành, huyện Long Phú do đồng chí Trần Văn Xuyến (Ba Xuyến) phụ trách. Giáo viên trường Văn Chính tỉnh gồm các đồng chí Ngô Văn Tư, Trịnh Ngọc Ký, Nguyễn Văn Hoa, thầy Thanh, thầy Táng… Chương trình học chủ yếu là cấp I, trường còn mở một số lớp đào tạo cán bộ công tác đoàn thể như: Thanh niên

Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, v.v.. Hằng năm có khoảng trên 100 học viên của trường, đã góp phần đào tạo nhiều cán bộ, đảng viên cốt cán trong tỉnh như các đồng chí Văn Ngọc Chính, đồng chí Đinh, Nhàn, Đoàn Thế Lâm và một số đồng chí khác: Huỳnh Việt Hưng, Tư Thuần, Hai Ngân, Sáu Lùng, v.v.. Ty Giáo dục còn mở trường phổ thông tiểu học (lớp ba, lớp nhì, lớp nhất) nội trú có khoảng 200 học sinh ở Phương Phú, Trà Cú huyện Châu Thành (nay là Mỹ Tú, Sóc Trăng) cho con em cán bộ, đảng viên do thầy Quách Thành Toán, Lâm Hải Nhựt, Năm Sự giảng dạy,... Một số học sinh đi học trường cấp II kháng chiến do cấp miền quản lý như trường Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung, Huỳnh Phan Hộ,... trong đó có Đoàn Thế Hối (nhà văn Lê Vĩnh Hòa) học trường Nguyễn Văn Tố, ra trường năm 1951 công tác ở Hội Liên Việt tỉnh Sóc Trăng, năm 1954 công tác thanh vận thị xã Sóc Trăng; đồng chí Nguyễn Hà Phan công tác binh vận thị xã Sóc Trăng đi sâu vào giới giáo chức, học sinh…

Số anh em học trong các trường kháng chiến phần lớn về sau trưởng thành nhanh chóng, nhiều người là cán bộ chủ chốt của cấp tỉnh, cấp miền và các đơn vị quân đội. Một số tập kết ra Bắc tiếp tục được học tập đào tạo cả trong nước và nước ngoài, trở thành những kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, những nhà quản lý và cán bộ lãnh đạo của Đảng, nhà nước như Trần Hồng Quân (giáo sư, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục), Trần Hồng Hoa, Hồ Lâm Minh, Phan Thành Huấn, Châu Ngọc Đại, Sơn Xum (kỹ sư), Lê Văn Thôi, Lê Văn Hiển, Sơn Del (bác sĩ) và nhiều thầy cô giáo như Nhà giáo Ưu tú Châu Ngọc Phước, Sorya, Hồ Khởi, Lý Thị Lài Sêng, Giang Duyên, Trương Huy Nhỏ, Hà Thắng (Tào Hón)…

Tuy nhiên, một trong những thành quả giáo dục lớn nhất trong kháng chiến chống Pháp là của ngành bình dân học vụ và bổ túc văn hóa. Xuất phát từ quan niệm phải giải phóng đa số quần chúng ra khỏi tình trạng thất học, sau khi đã giải phóng họ khỏi ách áp bức về chính trị và kinh tế, Đảng chủ trương xóa nạn mù chữ cho toàn dân (đó là một trong ba thứ giặc phải chống: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm). Do vậy người biết chữ có bổn phận phải dạy người chưa biết chữ, người biết chữ nhiều dạy người biết chữ ít đã trở thành một khẩu hiệu hành động. Cho nên khắp xóm ấp, kể cả những nơi gần đồn bốt giặc, những lớp bình dân học vụ được mở ra đều khắp.

Trong hàng ngũ cách mạng, vấn đề bức thiết được đặt ra là phải nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ các cấp, các ngành để đáp ứng nhu cầu kháng chiến, từ người cán bộ dân chính đến anh bộ đội, du kích, từ người hộ lý, y tá đến công nhân trong binh xưởng, v.v.. Do đó việc nâng cao trình độ học vấn đối với họ là một nhiệm vụ chính trị. Nhiều lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa được mở ra trong từng cơ quan, công xưởng, bệnh viện, trong các đơn vị vệ quốc đoàn, trong các đội du

kích… có khi học vào buổi trưa, hoặc tối tùy theo điều kiện của từng cơ quan.

Phong trào thi đua học tập từ già tới trẻ, nam nữ, mọi người đều tham gia với phương châm "Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, người biết nhiều dạy người biết ít", có người trước là học viên, sau là giáo viên, dân ta có câu:

"Rủ nhau đi học i tờ
Xem tin đọc báo, xem thơ dễ dàng".

Hay

"Từ nam chí nữ cho đến trai trẻ, già nua
Phải tham gia bình dân học vụ, kẻo kém thua bạn cười".

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng mở rộng phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa và các trường phổ thông, Ty Giáo dục mở trường sư phạm, đào tạo giáo viên để phục vụ cung cấp giáo viên giảng dạy cho các trường lớp.

IV. GIÁO DỤC Ở SÓC TRĂNG THỜI KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1. Hệ thống giáo dục của chính quyền Sài Gòn

Chính quyền Ngô Đình Diệm đã từng bước loại bỏ ảnh hưởng của thực dân Pháp trong ngành giáo dục ở miền Nam, đồng thời đưa một lực lượng giáo chức khá đông đi tu nghiệp ở Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ để thay thế số nhân viên ngành giáo dục của Pháp trước đây.

Ở bậc tiểu học Sóc Trăng, trong những năm đầu một hệ thống trường công lập được hình thành gồm các trường: Tiểu học Cộng đồng, Tiểu học Ấp Tân Sinh, Sơ cấp Cộng đồng, Sơ cấp ấp Tân Sinh, Tỵ nạn cộng sản, trường Quân đội. Đến năm 1971, ở đây có tất cả 238 trường tiểu học và sơ cấp, 735 phòng, 4.150 lớp. Số giáo viên tiểu học là 1.234 người, 63.217 học sinh. Trường mẫu giáo và tiểu học tư thục có 113 lớp, 107 giáo viên, 5.967 học sinh.

Bậc trung học ở Sóc Trăng có 2 trường, một trường công lập là trường Hoàng Diệu, ngày 6-10-1961 trường chính thức mang tên ***"Trường Trung học công lập Hoàng Diệu"*** theo Nghị định số 1371/GD/PC/NĐ ký ngày 30-9-1961 của Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa. Trường có tổng số 58 lớp, 67 giáo viên, 2.809 học sinh (năm 1961); còn có một trường trung học bán công là Trường Phụ huynh Học sinh có 10 lớp, 27 giáo viên, 718 học sinh. Ngoài ra còn có các Trường tư thục Trần Văn, Lam Sơn, Tố Như, La San, Providence, Bồ Đề… trường dạy nghề Nông - Lâm - Súc, hoạt động dưới sự thanh tra của Hiệu trưởng công lập. Từ năm 1965, một số trường công được thành lập như: trường Trung học Mỹ Xuyên (công lập) Đệ nhất cấp (năm 1965), trường Trung học Kế Sách (tỉnh hạt) (năm 1967), trường Nông Lâm Súc (chuyên nghiệp) (năm 1968), Trường Trung học Lịch Hội Thượng, Long Phú, Phú Tâm, Thạnh Trị, Đại Hải (năm 1969), Trường Trung học Mỹ Hương, Tài Văn, Bố Thảo (năm 1970), Trường Trung học Đại Ngãi (tỉnh hạt), Mỹ Huế, Mỹ Thuận, Thới An Hội, Vĩnh Quới, Nhu La (Nhu Gia) (năm

1971), Trường Sư phạm Sóc Trăng được thành lập năm 1971, là trung tâm đào tạo giáo viên cấp tiểu học liên tỉnh An Xuyên, Ba Xuyên, Bạc Liêu; Trường Trung học Đại Tâm (tỉnh hạt), Trường Khánh và Trường Kỹ thuật Ba Xuyên (trung tâm dạy nghề bậc trung học chuyên nghiệp - năm 1972).

Bên cạnh hệ thống trường công, chính quyền Sài Gòn cũng khuyến khích mở trường tư, kể cả trường của các tôn giáo. Chỉ riêng con số thống kê trường học thuộc giáo hội Thiên Chúa giáo cũng đã cho thấy điều đó. Nếu như năm 1954 cả nước có 24 trường tư thục do Giáo hội quản lý thì đến năm 1970, ở miền Nam có đến 1.256 trường các cấp[1] nghĩa là tăng lên đến 52 lần.

Các trường tư thục ở Sóc Trăng gồm có: Trường Trung học tư thục Dục Anh; Trường Trung học tư thục La San; Trường Trung học tư thục Providence; Trường Trung học tư thục Tố Như; Trường Trung học tư thục Lam Sơn; Trường Trung học tư thục Rạng Đông; Trường Trung học tư thục Bồ Đề; Trường Trung học tư thục Trần Văn; Trường Trung học tư thục Quốc Quang (Mỹ Xuyên), Trường Trung học tư thục Lý Tưởng, Trường Trung học tư thục Pôthi Khmer.

Ở Sóc Trăng trước đây các trường Pháp - Khmer phải dạy 4 giờ Việt ngữ một tuần, từ năm 1956, các trường Pháp - Khmer đều dạy Việt ngữ hoàn toàn như các trường Việt thuần túy và được gọi là trường Việt gốc Khmer nhưng học sinh đa số là người Kinh. Tính đến năm 1973 có 172 giáo viên với 11.975 học sinh tại các trường công lập là người dân tộc Khmer[2]. Ngoài ra ở tỉnh lỵ Sóc Trăng còn có Trường Trung học bán công Samacum (nay là Bảo tàng Khmer, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Sóc Trăng) dành cho sư sãi Khmer (có 100 sư sãi của các tỉnh An Xuyên, Ba Xuyên, Bạc Liêu (tức Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau hiện nay).

Sóc Trăng còn có nhiều trường tư thục của người Hoa. Các trường này ngoài việc học theo chương trình chung như người Kinh, còn phải học thêm 8 giờ/tuần tiếng Hoa. Tính đến 1974, Sóc Trăng có hai trường trung học tư thục là: Trường Dục Anh (ở tỉnh lỵ) với 21 giáo chức, 4.331 học sinh và Trường Quốc Quang (thị trấn Mỹ Xuyên) với 5 giáo chức, 196 học sinh. Cấp tiểu học có bảy trường tư thục: Trường Phục Hưng (Đại Ngãi); Trường Phục Hưng (Thạnh Trị); Trường Quốc Cường (Lịch Hội Thượng); Trường Hưng Văn (Ngã Năm); Trường Phú Tâm; Trường Bố Thảo; Trường Châu Hưng.

Hằng năm các học sinh đều dự các kỳ thi lấy bằng tiểu học, trung học tráng niên (trung học cơ sở) và tú tài.

Năm 1975 các trường lớp trong vùng địch ở toàn tỉnh như sau:

Trường công có 386 trường với 1.668 giáo viên, 72.993 học sinh;

1. *Dự án Giáo dục tại Việt Nam Cộng hòa* do ngân quỹ của USAID (Mỹ) tài trợ cho chính quyền Sài Gòn, 1969.

2. *Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên*, 1974, tr. 92, tài liệu từ Cục Lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 28.1: Thống kê trường, lớp và học sinh tỉnh Ba Xuyên (Từ năm 1955 đến năm 1974)

Năm	Trường	Lớp	Học sinh	Ghi chú
1955	65	262	10.879	
1956	79	327	13.262	
1957	74	636	25.165	Lúc này sáp nhập 2 tỉnh: Bạc Liêu, Sóc Trăng
1958	138	750	29.822	
1959	158	839	36.738	
1960	206	915	41.782	
1961	159	834	37.419	
1962	176	917	42.394	
1963	168	922	43.464	
1964	132	979	50.697	
1965	122	651	3.435	Lúc này tỉnh Bạc Liêu tách ra
1966	147	707	37.184	
1967	184	876	44.474	
1968	176	826	39.959	
1969	204	852	44.780	
1970	212	1.008	53.516	
1971	232	1.152	60.645	
1972	263	1.244	66.646	
1973	275	1.322	64.945	
1974	275	1.374	64.050	

Nguồn: Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên, 1974, tr. 94 - 95, tài liệu từ Cục Lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường tư (bao gồm cả trường tôn giáo, dân tộc) 99 trường với 167 giáo viên, 12.484 học sinh;

Trường Khmer có 59 trường (ở trong khuôn viên chùa do các vị sư dạy) có 1.590 học sinh;

Trường Cao Thắng của Ty Xã hội chính quyền Sài Gòn dạy con em thương phế binh, trẻ mồ côi từ mẫu giáo đến trung học (cấp II) khoảng 200 học sinh.

Nếu như trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có hàng trăm giáo chức, thanh niên, học sinh xếp bút nghiên ra bưng biền tham gia kháng chiến thì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng có không ít thầy giáo, học sinh trực tiếp tham gia các phong trào đấu tranh, hoạt động cách mạng bị bắt bớ tù đày, có người đã hi sinh dũng cảm như đồng chí Công, Tấn, học sinh Trường Hoàng Diệu là chiến sĩ biệt động thị xã, thầy Nguyễn Tử Quang, thầy Phan Quang An, thầy Phạm Văn Phái, thầy Lê Kim Tiết Tháo Trường Hoàng Diệu, thầy Trần Xưng Thấu, cô Trần Thị Kim Anh, cô Lâm Mỹ Ngọc… Cho dù có người bị chúng vu khống là đảng viên Đảng

Dân chủ hay sĩ quan Việt Nam Cộng hòa biệt phái, nhưng các thầy cô vẫn là những cơ sở cách mạng, có người tham gia giải phóng thị xã Sóc Trăng 30-4-1975. Ngoài ra còn nhiều thầy cô giáo, học sinh trực tiếp tham gia trong đợt tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 và giải phóng quê hương năm 1975… Có những con em và nhân dân Sóc Trăng lớn lên và học hành ngay tại thị xã, thị trấn cũng có khi được cha mẹ gửi lên ăn học ở Sài Gòn. Thế nhưng sau một số năm đèn sách, tạo được một số kiến thức nhất định, họ lại bỏ trường, bỏ lớp, bỏ cả cuộc sống tiện nghi ở thị thành ra vùng kháng chiến nối tiếp truyền thống cha anh sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh gian khổ.

2. Hệ thống giáo dục cách mạng

Vào cuối những năm 60 của thế kỷ XX, ở Sóc Trăng đã hình thành một số trường chuyên nghiệp như Trường Nông - Lâm - Súc được thành lập năm 1968, ở đường Hồ Nước Ngọt, Trường Trung học Kỹ thuật Bãi Xàu và Trường Sư phạm (trung tâm đào tạo giáo học cấp bổ túc liên tỉnh An Xuyên, Ba Xuyên và Bạc Liêu) được thành lập năm 1970. Các trường này nhỏ bé ít giáo viên và học sinh.

Sau Hiệp định Giơnevơ, cán bộ ngành giáo dục tỉnh chia làm hai bộ phận: một bộ phận tập kết ra miền Bắc để tiếp tục đào tạo nhằm chuẩn bị cho kế hoạch tương lai, bộ phận còn lại được điều động đi nhận nhiệm vụ mới, đa số còn lại về sống hợp pháp ở thị xã, thị trấn tiếp tục hành nghề giáo dục với kinh nghiệm và kiến thức tích lũy được từ vùng kháng chiến họ sẽ có cơ hội phát huy trong hoàn cảnh mới. Lúc đó ta chỉ đạo hướng dẫn giáo viên một số nơi dạy theo nội dung cách mạng, cắt bỏ những bài có nội dung phản động, không lành mạnh trong sách giáo khoa của chính quyền Sài Gòn, không chào cờ suy tôn "Ngô tổng thống". Ở thị xã và các vùng địch kiểm soát chặt, ta hướng dẫn giáo viên hạn chế dạy những nội dung có hại cho cách mạng. Năm 1956, ở thị xã Sóc Trăng, Liên hiệp Công đoàn giáo chức, công khai tổ chức, học tập bình dân học vụ cho trên 500 công nhân lao động. Số giáo viên là cán bộ nằm vùng hoặc những người yêu nước như anh Tăng Lạc, thầy Hà Văn Cự, thầy Nguyễn Tử Quang, cô giáo Lùng, bà giáo Nam… anh chị em còn truyền đạt tinh thần yêu nước, hướng dẫn công nhân lao động đấu tranh về dân sinh, dân chủ, gây nhiều ảnh hưởng tốt trong phong trào quần chúng ở thị xã, thị trấn. Đồng chí Lê Vĩnh Hòa phụ trách thanh vận thị xã đi sâu trong phong trào giáo chức, học sinh lợi dụng diễn đàn báo chí công khai để đưa tin, viết bài tố cáo địch, giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân.

Tại thị xã Sóc Trăng, từ 11-11-1958 đến giữa tháng 12-1958, một số thầy cô giáo, thanh niên, học sinh như: Đoàn Thế Hối (tức Lê Vĩnh Hòa), Phạm Văn Khoa (Nguyễn Hà Phan), Hà Văn Cự... bị bắt, bị đánh đập tra tấn dã man rồi đưa đi tù đày.

Đầu năm 1961, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Sóc Trăng được thành lập do thầy giáo Lê Hoàng Chu làm Chủ tịch.

Từ sau cuộc Đồng khởi thắng lợi năm 1960, việc phát triển giáo dục ở vùng giải phóng trở thành một nhu cầu cấp thiết. Vùng giải phóng được mở rộng và củng cố là tiền đề và điều kiện để tổ chức lại các trường, lớp, chương trình, nội dung từng lớp, từng cấp, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và đáp ứng nhu cầu học hành của con em đồng bào ở vùng nông thôn.

Để đáp ứng yêu cầu ấy, tháng 5-1961, Tỉnh ủy thành lập Ban Tuyên - Văn - Giáo do đồng chí Nguyễn Văn Thới (Ba Hữu), Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Trần Văn Nghĩa (Bảy Trí) làm Phó ban và các ủy viên ban. Trong đó, đồng chí Nguyễn Hữu Nghiệp (Mười Nghiệp) là Ủy viên Ban làm Trưởng Tiểu ban Giáo dục, sau đến đồng chí Nguyễn Tấn Đức (Mười Đức) làm Trưởng Tiểu ban và cán bộ có đồng chí Ngô Quang Nhu (Sáu Đương), Bảy Trị, Bảy Kiến, chị Sáu Ngảnh, đồng chí Tư Vân, Sáu Thành, Ba Bé... Trong đó anh Phạm Phước Tấn (Ba Tấn) được phân công lo Trường Lê Văn Tám, đồng chí Tư Vân, Sáu Thành đi chỉ đạo phong trào, Tư Vân còn được phân công soạn tài liệu giáo khoa cho trường bổ túc văn hóa và giáo dục phổ thông...

Trong thời gian này, vào năm 1961, tiểu ban giáo dục mở lớp học bổ túc cho cán bộ là huyện ủy viên, xã ủy viên, chi ủy viên. Lớp có khoảng 60 học viên học tại rừng Cù Lao Tràm (thuộc xã Đại Ân, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng), thời gian học 6 tháng do đồng chí Bảy Trị lãnh đạo kiêm giảng dạy môn lịch sử và chính trị, chị Sáu Ngảnh và đồng chí Bảy Kiến dạy môn văn và toán, đồng chí Hai Võ (Mười Nghiệp) lo hậu cần, đến gần cuối khóa dạy thêm môn địa lý do đồng chí Sáu Đương phụ trách.

Cũng như trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, khi mở trường bổ túc văn hóa nội trú cho cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy cũng tiến hành mở trường tiểu học (cấp I) nội trú đầu tiên, vào đầu năm 1962 cho con em cán bộ, là tiền thân của Trường Lê Văn Tám. Lớp được đặt tại nhà ông Hai Phóng, ấp Hậu Bối, xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc tỉnh Bạc Liêu), học sinh có các em Phạm Phương Thảo, Đặng Song Mỹ, Hữu Đường, Nguyễn Nguyệt Sinh, Liêm, Phạm Phước Nhơn, Đoàn Tùng... do thầy Phạm Minh Điện phụ trách. Đến năm 1963, tại ấp Trung Hưng II, xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân (nay thuộc tỉnh Bạc Liêu), trường tổ chức khai giảng trọng thể, đồng loạt nhiều lớp. Tên Trường Lê Văn Tám từ đây đã đi vào lịch sử giáo dục Sóc Trăng thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Một ngôi trường nội trú kiểu mới, tồn tại 15 năm dài trong điều kiện chiến tranh ác liệt của một tỉnh đồng bằng. Học sinh và giáo viên gởi trong nhà dân, sống với dân. Giáo viên dạy cho học sinh biết "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với dân. Các em được dân nuôi chứa, thương yêu như ruột thịt bởi vì các em còn nhỏ, sống xa cha mẹ, thoát ly gia đình đi học để trở thành người hữu ích giúp dân, giúp nước, nên được nhân dân yêu mến. Có những gia đình còn

Học sinh Trường Lê Văn Tám năm 1965

Ảnh: Tư liệu

phải tắm giặt, gội đầu, bắt từng con chí (chấy - *BT*) cho các em. Nhà trường chỉ hỗ trợ cho mỗi học sinh mỗi tháng một táo gạo (20 ký), thu được từ lúa đảm phụ do dân đóng góp. Còn lại những vật dụng sinh hoạt cần thiết khác: thức ăn, thức uống, xà bông, kem đánh răng, có khi gia đình nuôi chứa cho cả quần áo, tiền tiêu vặt...

Song song với Trường Nội trú Lê Văn Tám của tỉnh còn có Trường Nội trú Samaky được mở vào năm 1964, dành cho con em của cán bộ người dân tộc Khmer nhằm đào tạo nguồn cán bộ dân tộc cho tỉnh. Cách tổ chức và sinh hoạt giống như Trường Lê Văn Tám. Nhưng các em được học hai thứ chữ (Quốc ngữ và Khmer). Năm đầu trường Samaky đặt ở Đìa Chuối, xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân (nay là huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu) nơi đây có đông đồng bào Khmer và có ngôi chùa Khmer cổ kính. Ngoài giờ học các em đến chùa để có điều kiện sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Giáo viên dạy Trường Samaky là những anh cán bộ người dân tộc Khmer biết hai thứ chữ (Khmer, Quốc ngữ). Lúc đầu có anh Hai Thắng (Lâm Tện), Sà Ẹm (Út Ẹm), sau đến anh Sorya, cán bộ giáo dục tập kết miền Bắc về tăng cường cho Trường Samaky và chỉ đạo phong trào giáo dục người dân tộc Khmer của tỉnh. Từ năm thành lập Trường Lê Văn Tám và Samaky đến những năm 1967 - 1968 và đầu năm 1969 số lớp, học sinh ngày càng tăng.

Đến sau Tết Mậu Thân năm 1968, nhằm thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa

chiến tranh", chính quyền Sài Gòn đã tăng cường đóng đồn bốt dày đặc, giành dân lấn đất. Phong trào giáo dục gặp vô vàn khó khăn. Trường Lê Văn Tám tạm cho một số học sinh quá nhỏ nghỉ, duy trì các lớp lớn. Đến năm 1970, trường đưa các em học sinh lớp 6 về Tiểu ban Giáo dục Khu Tây Nam Bộ học sư phạm nhằm đào tạo giáo viên cho các tỉnh. Suốt 15 năm Trường Lê Văn Tám tồn tại và phát triển là nhờ dân. Địa bàn cả vùng rộng lớn thuộc các ấp Hậu Bối, Cai Tài, Mỹ Phú Đông, Đìa Chuối, Trung Hưng I, Trung Hưng II, Bắc Hưng, Chòm Dừa, Xóm Giữa, Chòm Kiến... thuộc xã Vĩnh Hưng; ấp Tây Mập, Chủ Xiệp, Chủ Đống thuộc xã Vĩnh Phú; ấp Chủ Chọt, Nhà Lầu, Cái Cui, Cái Chanh... thuộc xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân; ấp Vĩnh Trị A, Vĩnh Trị B, Cơ Nhì, Vĩnh Thành, Chệt Xĩa, Bà Chăng A, Bà Chăng B... thuộc xã Vĩnh Lợi, xã Mỹ Quới và xã Châu Thới huyện Thạnh Trị,... nhân dân đã nuôi chứa, đùm bọc, chở che cho thầy trò Trường Lê Văn Tám, Samaky được dạy và học tốt. Đội ngũ thầy cô giáo được bổ sung để giảng dạy từ lớp 1 đến lớp 5, lớp 6 (lớp học đầu cấp II, hệ phổ thông 10 năm) phần đông là các đồng chí trẻ có trình độ văn hóa khá, đã kinh qua hoạt động ở cơ sở tham gia giảng dạy, hoặc các sinh viên, trí thức trẻ tham gia phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên bị bắt tù đày từ bỏ cuộc sống đô thị vào chiến khu tham gia kháng chiến được học tập, đào tạo qua các trường lớp sư phạm của Khu Tây Nam Bộ, của Trung ương Cục miền Nam (R), hoặc trường sư phạm của tỉnh hết lòng thương yêu học sinh, xem các em như những người thân ruột thịt.

Đội ngũ giáo viên của Trường Lê Văn Tám là những cán bộ giáo dục kháng chiến, yêu nước, nhiệt tình cách mạng, giỏi, biết cách tổ chức khoa học để dạy và học trong điều kiện chiến tranh ác liệt nhằm đào tạo con người mới. Người thầy đầu tiên của Trường Lê Văn Tám là anh Phạm Minh Điện (Sáu Điện), kế đến là chị Cẩm Diệu, chị Trần Lệ Hoàng, Phạm Thị Hồng Nga, Huỳnh Thu Đông, Bích Ngọc (Rạng Đông), Nguyễn Thị Thanh (Hai Thanh), Huỳnh Ngọc Hân (Sáu Hân), Trần Việt Hồng, Lâm Tuyết Hồng, Mai Xuân Thu, Phạm Văn Thành (Năm Thành), Cổ Tấn Anh Song (Tám Thái), Phạm Sô (Ba Sơn), Phạm Thanh Sang, Nguyễn Hùng Dũng, Huỳnh Thanh Quang (Bảy Quang)... Một lực lượng khá đông học sinh của Trường Lê Văn Tám đưa đi bồi dưỡng sư phạm, và được phân công dạy chính ngôi trường của mình đã học như: Nguyễn Lệ Hồng, Đặng Song Mỹ, Trần Việt Triều, Trần Việt Thùy, Ngô Mỹ Lệ, Nguyễn Ngọc Vân, Nguyễn Nguyệt Sinh, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Ánh Nguyệt, Quách Quốc Việt, Nguyễn Thanh Tòng, Hà Văn Thắng...

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, tình hình tương đối thuận lợi, trong vùng nông thôn được giải phóng ở Sóc Trăng đâu đâu cũng có lớp học bình dân học vụ (xóa mù chữ - bổ túc văn hóa) cho nhân dân, tập trung là cho

thanh niên. Các em thiếu nhi thì đến trường học vỡ lòng, lớp một, lớp hai, một số nơi học lớp ba, lớp bốn. Trường sư phạm tỉnh mở liên tục nhiều khóa đào tạo giáo viên cấp một. Trường công nông bổ túc văn hóa cho các bộ, các ngành cấp tỉnh và huyện. Tiểu ban giáo dục phân công cán bộ trực tiếp đến đơn vị vũ trang của tỉnh và huyện tổ chức dạy bổ túc văn hóa cho chiến sĩ. Bấy giờ vùng nông thôn giải phóng của Sóc Trăng vui nhộn hẳn lên. Nông dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đóng đảm phụ nuôi cán bộ, chiến sĩ. Chiều và đêm đến dưới ánh đèn măng sông, đèn khí đá, hoặc đèn dầu thanh thiếu niên tham gia tập văn nghệ (hát, múa, hò, nói thơ..). Các trường học tổ chức khai giảng không đồng loạt vì phải tổ chức dạy và học thích hợp với thời chiến. Phần lớn các em đi học lúc 8 - 9 giờ sáng khi đã ăn cơm nước xong và đến xế chiều là tan học (bởi nông thôn thời ấy ăn cơm ngày hai buổi, sáng và chiều, buổi tối khi nào đói bụng thì "lục cơm nguội ăn thêm đỡ dạ"). Thế nhưng tiếng học bài của học sinh vẫn ngân vang dưới lũy tre làng. Phong trào bình dân học vụ (xóa mù chữ - bổ túc văn hóa) cho nhân dân, nhất là thanh niên, phát triển rầm rộ, đều khắp các huyện. Năm 1963, lễ công nhận thoát dốt đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho xã Mỹ Quới, huyện Thạnh Trị (nay là huyện Ngã Năm) đã được tổ chức.

Năm 1965, Tiểu ban Giáo dục Khu Tây Nam Bộ phân công anh Trịnh Thế Phương (Hoàng Dương) làm cán bộ của Tiểu ban Giáo dục, anh Trịnh Thế Phương quê Nghệ An là cán bộ giáo dục đầu tiên ở miền Bắc vào Nam chi viện cho Sóc Trăng. Sau đó, các đồng chí Sorya, Châu Ngọc Phước được bổ sung cho Tiểu ban Giáo dục tỉnh Sóc Trăng. Đồng chí Hoàng Dương cùng với Huỳnh Thanh Trí (Ba Bé), Nguyễn Thanh Long (Hai Long) mở lớp sư phạm đào tạo giáo viên, lớp học khoảng 40 học sinh với thời gian 6 tháng, ở ấp Nhà Lầu, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Sóc Trăng (nay là tỉnh Bạc Liêu), học được hơn nửa thời gian thì ngày 12-9-1965 đạn đại bác ở chi khu Vĩnh Thuận bắn trúng lớp học làm anh Hoàng Dương và 3 em hi sinh, 2 em bị thương nặng. Sau đó lớp học vẫn tiếp tục học hết chương trình đến cuối năm 1965 kết thúc, đến tháng 8-1966, mở lớp sư phạm thứ 2 với khoảng 30 học viên (có một số là học sinh Lê Văn Tám mới ra trường) đặt ở ấp Lái Viết, xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân do anh Huỳnh Thanh Trí (Ba Bé), Nguyễn Thanh Long (Hai Long) cán bộ Tiểu ban Giáo dục tỉnh và anh Bảy Tân cán bộ giáo dục Khu Tây Nam Bộ giảng dạy. Năm 1967 mở lớp sư phạm thứ 3 có khoảng 30 em học ở ấp Phước Trường, xã Phước Long, huyện Hồng Dân, tỉnh Sóc Trăng do anh Phạm Văn Thành và Vũ Đình Vinh (Hai Vinh, cán bộ miền Bắc chi viện) giảng dạy.

Năm 1967, giáo dục Khu Tây Nam Bộ còn đưa một số cán bộ giáo dục về tỉnh chỉ đạo như đồng chí Năm Sơn đi sâu giáo dục trong đồng bào Khmer, đồng chí Phạm Sô (Ba Sơn) dạy Trường Lê Văn Tám, đồng chí Lê Ngọc Thả đi chỉ đạo phong trào giáo dục ở các huyện, thị xã Sóc Trăng...

Phong trào học tập ở vùng nông thôn giải phóng trong tỉnh từ năm 1965 đến năm 1967 phát triển nhanh chóng, "trường học phổ thông năm 1964 có 13 trường thì năm 1965 phát triển thêm 77 trường, năm 1966 tăng thêm 16 trường mới và trên 175 lớp bình dân học vụ, có gần 3.000 người đi học..." [1].

Cũng từ giữa năm 1965, Mỹ chuyển hướng thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Chúng tăng cường đánh phá ác liệt. Để duy trì và phát triển phong trào, Ban Tuyên huấn chủ trương đưa cán bộ tăng cường các huyện, thị nhằm chỉ đạo phong trào kịp thời và sâu sát hơn. Năm 1966 Tiểu ban Giáo dục phân công Nguyễn Thanh Long về Long Phú; Lâm Tuyết Hồng về Vĩnh Châu; Phạm Thị Hồng Nga, Huỳnh Ngọc Hân, Trần Hồng Lệ, Nguyễn Ngọc Vân về Mỹ Xuyên; Trần Xuân Hồng, Hồng Liên về Vĩnh Lợi; Hồng Ánh, Thu Hồng về Hồng Dân; Lệ Hoàng về Thạnh Trị. Đến cuối năm 1967 đồng chí Phạm Minh Điện về thị xã Sóc Trăng; Vũ Đình Vinh, Nguyễn Thị Thế, Đặng Song Mỹ về huyện Châu Thành (nay là Mỹ Tú). Đến đầu năm 1968 đồng chí Phạm Văn Thành và đồng chí Phan Chinh về thị xã Bạc Liêu...

Thời kỳ này các huyện đều có tiểu ban giáo dục huyện khoảng 3 - 4 đồng chí do đồng chí ủy viên ban tuyên huấn làm trưởng tiểu ban; đối với các xã vùng giải phóng trong ban tuyên huấn xã có một, hai cán bộ phụ trách công tác giáo dục. Trong tỉnh chỉ có huyện Châu Thành (nay là Mỹ Tú) mở được trường nội trú cho con em cán bộ mang tên Trường Võ Thị Sáu có khoảng 40 học sinh, dạy từ lớp vỡ lòng đến lớp 1, lớp 2 do thầy Đặng Song Mỹ và các cô Mai Xuân Phương, Nguyễn Thị Minh, Cô Sen giảng dạy ở xã Mỹ Thuận vùng 3 xã Long Hưng, Kinh Xáng, Mỹ Phước huyện Châu Thành. Huyện Mỹ Xuyên mở nhiều lớp sư phạm cấp tốc, đào tạo giáo viên dạy vỡ lòng, lớp 1, lớp 2...

Vào cuối năm 1967, Tiểu ban Giáo dục còn mở lớp sư phạm trung cấp cấp tốc (là lớp sư phạm thứ 4) cho các thầy cô giáo đang dạy ở trường Lê Văn Tám, cán bộ giáo dục của tỉnh, các huyện, do thầy Phạm Sô (Ba Sơn) và thầy Bảy Minh giảng dạy đến giữa năm 1968 thì bế giảng, thời gian học khoảng trên 6 tháng ở ấp Phước Trường, xã Phước Long và Trưởng Tòa, xã Vĩnh Phú thuộc huyện Hồng Dân, tỉnh Sóc Trăng nay thuộc tỉnh Bạc Liêu, lớp học khoảng 30 học viên, trong đó có đồng chí Phạm Thị Hồng Nga, Nguyễn Thị Thanh, Trần Việt Hồng, Nguyễn Lệ Hồng, Việt Triều, Phạm Thanh Sang, Phạm Văn Dũng, Nguyễn Văn Phụng, Lâm Tuyết Hồng, Trần Văn Cơ, Lê Thanh Phong, Nguyễn Thị Tập (Năm Hạnh), Mai Xuân Thu...

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân năm 1968. Ban Tuyên huấn tập trung lực lượng vào 2 trọng điểm (thị xã Sóc Trăng và thị xã Bạc Liêu) trong đó có đội ngũ cán bộ giáo dục, ở thị xã Sóc Trăng và Bạc Liêu

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng 1954 - 1975 (sơ thảo)*, 1999, t. II, tr. 142, 154.

Lớp Sư phạm Trung cấp Sóc Trăng ở vùng kháng chiến năm 1968

Ảnh tư liệu

như Phạm Minh Điện, Phạm Văn Thành, Phan Chinh... tham gia.

Từ cuối năm 1968 và trong các năm 1969, 1970, 1971, 1972 giáo dục vùng kháng chiến chuyển hướng cho phù hợp với tình hình mới: Trường Lê Văn Tám tạm giải tán các lớp học sinh nhỏ, Trường Sư phạm tạm ngừng hoạt động. Cán bộ giáo dục, giáo viên và học sinh đưa về công tác ở các cơ quan, đơn vị, nhất là ở các đơn vị bộ đội để tổ chức học tập văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên. Đến cuối năm 1972, các trường nội trú mở trở lại và phong trào giáo dục tiếp tục phát triển.

Năm 1970, đồng chí Nguyễn Tấn Đức (Mười Đức) Trưởng Tiểu ban Giáo dục tỉnh chuyển sang công tác khác, đồng chí Nguyễn Xuân Trước (Bảy Trước) và đồng chí Phạm Thị Hồng Nga Ủy viên Tiểu ban luân phiên làm nhiệm vụ Thường trực Tiểu ban đến năm 1972 và được các đồng chí Thường trực Ban Tuyên huấn chỉ đạo trực tiếp. Đầu năm 1973, đồng chí Huỳnh Thành Trí (Ba Bé) được bổ sung làm Ủy viên Ban Tuyên huấn phụ trách Trưởng Tiểu ban Giáo dục cho đến tháng 11-1973 do cắt huyện Hồng Dân, Vĩnh Lợi của Sóc Trăng và một

số huyện thuộc tỉnh Cà Mau thành lập tỉnh Bạc Liêu. Đồng chí Huỳnh Thanh Trí (Ba Bé) và một số cán bộ về tỉnh Bạc Liêu. Sau khi chia tỉnh, đồng chí Đào Huy Tâm làm Trưởng Tiểu ban, đồng chí Huỳnh Thanh Quang (Bảy Quang) Phó Tiểu ban. Thời kỳ này Tiểu ban Giáo dục cùng với Ban Tuyên huấn dời từ xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân về Xà Phiên, huyện Long Mỹ thuộc tỉnh Cần Thơ ngang vàm Dầy Quán, Lái Viết, xã Ninh Quới của Sóc Trăng, ranh giới giữa hai tỉnh cách nhau chỉ là con sông cái. Đây là lợi thế để các tiểu ban của Ban Tuyên huấn Sóc Trăng bung về địa bàn tỉnh nhà hoạt động. Còn Trường Lê Văn Tám lúc đó có khoảng 80 học sinh, vẫn ở Cái Chanh huyện Hồng Dân, đến năm 1974, trường dời về kênh xáng Mỹ Phước huyện Châu Thành (nay là Mỹ Tú) Sóc Trăng. Lúc này Trường Lê Văn Tám chiêu sinh nhiều lớp cấp một. Tại đây, Trường Sư phạm tiếp tục mở, chiêu sinh nhiều khóa mới.

Năm 1974 và đến năm 1975 vùng giải phóng được mở rộng, giải phóng đến đâu, nhân dân trở về ruộng vườn đến đó, đồng thời trường, lớp cũng được dựng lên để phục vụ nhu cầu học tập của con em nhân dân. "Toàn tỉnh vào thời kỳ này có 127 lớp với 126 giáo viên gồm 5.087 học sinh. Trong đó huyện Châu Thành (Mỹ Tú) có 6 lớp với 250 học sinh, Thạnh Trị có 44 với lớp 850 học sinh, Mỹ Xuyên có 24 lớp với 480 học sinh, Vĩnh Châu có 4 lớp với 85 học sinh, Long Phú có 20 lớp[1]...". Để có giáo viên cung cấp cho các trường, lớp các địa phương chọn những người có học vấn khá trở về vùng giải phóng được tập huấn ngắn hạn rồi ra dạy, sau đưa đi học trường sư phạm tỉnh. Trường Sư phạm mở liên tiếp 2 khóa 6 và 7, mỗi khóa gần 40 học viên, học xong về các huyện giảng dạy ở các vùng giải phóng.

Cùng với phát triển các trường, lớp phổ thông thì phong trào bình dân học vụ xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cũng rầm rộ ở trong vùng giải phóng, trong các cơ quan đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích xã, ấp, khi có giặc thì đánh, khi rảnh rỗi thì miệt mài học tập.

Tuy nhiên, trong điều kiện chiến tranh, việc dạy và học không phải lúc nào cũng yên ổn. Cả thầy và trò đều được "quân sự hóa": khi yên tĩnh thì học bình thường, khi có tin địch tấn công càn quét thì cất giấu sách vở, cầm vũ khí ra chiến hào chiến đấu chống giặc. Trường học có công sự che chắn, có giao thông hào, có hầm hố tránh bom đạn để hạn chế thương vong khi bị oanh tạc. Có những lúc trường bị đốt phá, lớp học vẫn không nghỉ mà chuyển ra chuồng trâu, bờ mương, bờ đìa, mé rạch, quyết không để gián đoạn. Và cơ sở vật chất cho việc học thì rất đơn giản và muôn màu, muôn vẻ, linh hoạt, thích nghi với mọi hoàn cảnh chiến tranh: có nơi bà con trong xóm vận động nhau đắp nền, đốn cây

1. "Hồi ký" viết tay, về công tác Giáo dục tỉnh Sóc Trăng 1973 - 1976 của đồng chí Đào Huy Tâm và Huỳnh Thanh Quang, tr. 2.

trâm bầu, tre, bình bát... làm cột kèo, xé lá dừa nước lợp lên là có nơi để các em học. Có nơi dân có nhà rộng dành nguyên căn trước hoặc căn sau để làm lớp học. Có nơi vào mùa khô chuồng trâu được dọn sạch sẽ làm lớp học (vì ở nông thôn thường làm chuồng trâu trong nhà hoặc cặp nhà, mùa mưa lùa chúng vào nhốt ở đấy, còn mùa khô cắm cọc cột trâu ngoài ruộng hoặc trước sân nhà. Vì vậy, mùa khô nhiều chuồng trâu được sử dụng làm lớp học rất tiện lợi). Còn bảng đen, bàn ghế học sinh cũng rất linh hoạt. Để có ghế, người ta thường dùng ghế nhổ mạ, hay sử dụng ghế đẩu hoặc cắm bốn cây cọc xuống đất bắc ván ngựa lên, hoặc dùng sống lá dừa nước gác lên làm bàn để học sinh ngồi viết...

Trong thời chiến tranh, công tác giáo dục cũng là một mặt trận. Nhiều giáo viên học sinh đã hi sinh. Trên bảng vàng truyền thống của ngành, chúng ta ghi nhớ tên tuổi, công lao của những thầy cô giáo và cả những học sinh thân yêu đã ngã xuống vì sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà trong hai cuộc kháng chiến như các thầy: Huỳnh Văn Dương, Văn Ngọc Chính (học sinh trường Văn Chính), Lê Vĩnh Hòa, Cổ Tấn Anh Song (Tám Thái), Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Hùng Dũng, Mai Xuân Thu, Lâm Tuyết Hồng... và học sinh Trường Lê Văn Tám: Trường An, Thành Bộ, Trung Thảo, Bạch Đằng, Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Trung Thu, Lê Văn Phước, Tăng Ẹl (học sinh trường Samaky)... Trong đó, ngoài những con em Sóc Trăng, còn có những cán bộ ngành giáo dục ở các địa phương khác, theo lời kêu gọi của Đảng đã vượt Trường Sơn chi viện cho Sóc Trăng giữa những ngày vùng này còn nghi ngút khói lửa chiến tranh như: Hoàng Dương, Phan Chinh, Chu Đình Bảng...

Lớp lớp thầy cô, học sinh đã được thử thách rèn luyện trong chiến tranh, nay nhiều người đã về hưu hoặc phục viên vẫn luôn giữ vững phẩm chất của người chiến sĩ trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Có những em học sinh đã trưởng thành là cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước như: Tiến sĩ Nguyễn Việt Hùng, Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, Trương Minh Lưu nguyên Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, nay là Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, Nguyễn Thanh Hà, Tỉnh ủy viên Chủ tịch Liên Đoàn Lao động tỉnh, Nguyễn Tấn Quyên, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Thành ủy Cần Thơ nay là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Tô Minh Giới, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, đại tá Lê Kỳ Phùng, Phó Phòng Chính trị Quân khu 9, Lâm Như Hải đại tá Tham mưu phó Quân khu 9...

V. GIAI ĐOẠN TỪ 30-4-1975 ĐẾN NĂM 2010

1. Tình hình giáo dục sau ngày giải phóng 30-4-1975 đến năm 1976

Trong đại thắng mùa Xuân năm 1975, Tiểu ban Giáo dục của tỉnh do đồng chí Đào Huy Tâm làm Trưởng Tiểu ban, đồng chí Huỳnh Thanh

Quang Phó Tiểu ban và 7 cán bộ được chia thành 2 bộ phận một bộ phận do đồng chí Đào Huy Tâm phụ trách cùng đi với các lực lượng, ban, ngành của thị xã tham gia giải phóng thị xã và tiếp quản Ty Giáo dục và Thanh niên Ba Xuyên ngày 30-4-1975. Bộ phận còn lại do đồng chí Huỳnh Thanh Quang phụ trách, chiều 30-4-1975 từ căn cứ rừng tràm Mỹ Phước cũng đến thị xã phối hợp với các đồng chí đi trước cùng làm nhiệm vụ tiếp quản các cơ sở giáo dục, các trường học (chủ yếu ở thị xã Sóc Trăng). Do ở các huyện, thị cán bộ giáo dục còn thiếu nhiều, cho nên ngành giáo dục đã phối hợp với các cấp ủy Đảng, ban tuyên huấn, các ban, ngành, đoàn thể... tiếp thu, tiếp quản giáo dục. Sau khi tiếp quản tiến hành tổ chức cho thầy cô giáo, công nhân viên ngành giáo dục đăng ký trình diện theo đơn vị huyện, thị xã mà trước đây họ giảng dạy, làm việc, nắm điều tra, phân loại giáo chức, công nhân viên để chuẩn bị cho tuyển dụng sau này, quản lý hồ sơ, cơ sở vật chất của ngành giáo dục từ Ty đến các trường. Tỉnh đã tiến hành giải quyết lương bổng cho giáo viên và kinh phí cho các trường hoạt động.

Sau giải phóng, trên địa bàn Sóc Trăng đã hình thành Ty Giáo dục, các phòng giáo dục huyện, thị xã, ban giáo dục các xã, phường, thị trấn. Trường học thành lập ban điều hành lâm thời.

Tỉnh đã tổ chức thi tốt nghiệp lớp 12 cho các em đã học xong khi giải phóng 30-4-1975 chưa kịp thi (có 1.336 em trong đó có 128 thí sinh tự do); thi vào lớp 6 trường công lập (có 3.261 em). Song song với đó là tổ chức học tập chính trị hè 1975 cho 2.225 giáo viên (trong đó có cả giáo viên là sư sãi, tu sĩ và giáo sĩ).

Năm học đầu tiên sau ngày giải phóng được khai giảng thống nhất vào ngày 15-10-1975, toàn tỉnh Sóc Trăng có 79.686 học sinh (trong đó cấp II có 10.416 học sinh, cấp III có 4.153 học sinh) với 2.446 giáo viên (trong đó giáo viên cấp I là 2.116 người, giáo viên cấp II là 260 người, giáo viên cấp III là 70 người).

Lúc này toàn tỉnh còn thiếu 646 giáo viên (trong đó cấp I thiếu 490 giáo viên, cấp II thiếu 100 giáo viên, cấp III thiếu 56 giáo viên) và Sóc Trăng đã được Bộ Giáo dục chi viện 15 giáo viên cấp II ở tỉnh Thái Bình vào, 9 giáo viên cấp II tỉnh Hà Bắc kết nghĩa vào (những đồng chí này chủ yếu bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý các phong trào giáo dục huyện, thị và ban điều hành một số trường). Nguồn giáo viên khác được bổ sung là Trường Sư phạm Sóc Trăng có 222 giáo sinh sắp ra trường (trong đó có 45 người của tỉnh khác xin về quê) và 40 giáo sinh Sóc Trăng học Trường Sư phạm Vĩnh Long xin về phục vụ quê hương. Trường Sư phạm tỉnh mở lớp đào tạo cấp tốc 3 tháng được 303 học viên học xong về dạy ở các địa phương (Trường Sư phạm do đồng chí Lê Văn Giáp làm Hiệu trưởng, đồng chí Đinh Văn Dụ làm Phó Hiệu trưởng).

Trường Trung học kỹ thuật Mỹ Xuyên nhỏ bé ít học sinh, giáo viên, được sáp nhập vào Trường Sư phạm.

Trường Nông - Lâm - Súc giao cho Ty Nông nghiệp quản lý, Trường Cao Thắng giao cho Ty Thương binh - Xã hội. Các trường tư, kể cả các trường tôn giáo ở Sóc Trăng được ta cho phép hoạt động, nhưng phải đăng ký với Ty Giáo dục, tuy nhiên họ không hoạt động mà đều hiến cho Nhà nước như Trường Lam Sơn, Trần Văn, Tố Như, Bồ Đề...

Về nội dung giảng dạy: Sau giải phóng 30-4-1975, cũng như nhiều tỉnh khác ở miền Nam, ở Sóc Trăng còn tồn tại hai hệ thống giáo dục khác nhau: ở miền Bắc và những vùng giải phóng ở miền Nam thực hiện giáo dục hệ 10 năm, vùng trước đó do chính quyền Sài Gòn kiểm soát thực hiện hệ giáo dục 12 năm. Vì vậy, nội dung giảng dạy giữa hai hệ thống cũng khác nhau. Trong khi chưa thống nhất được nội dung, chương trình chung trong cả nước thì những vùng mới giải phóng, trong đó có nhiều địa phương ở tỉnh Sóc Trăng, được sử dụng sách giáo khoa cũ đối với các môn khoa học tự nhiên, còn các môn khoa học xã hội thì chọn lọc, tạm dùng khi chưa có sách giáo khoa mới. Đến khi có sách mới tổ chức tập huấn cho giáo viên theo từng bộ môn.

Điều khá nổi bật những năm mới giải phóng là phong trào xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa phát triển mạnh mẽ. Các xã, phường, khóm, ấp đều thành lập ban vận động xóa nạn mù chữ, người biết nhiều dạy người biết ít, phong trào thi đua học tập sôi nổi trong toàn tỉnh. Tính đến cuối năm 1975, địa phương đã có 16.950 người học, thoát nạn mù chữ cho 7.500 người.

Tỉnh còn mở một số trường lớp học văn hóa cho cán bộ, đảng viên và con em cán bộ, chiến sĩ, đó là Trường Bổ túc công nông với 270 học viên do đồng chí Nguyễn Văn Thiệt (Chín Nhơn) làm Hiệu trưởng, đồng chí Huỳnh Thanh Quang, Huỳnh Việt Hưng (Mười Huỳnh), Hai Họa làm Hiệu phó. Trường Lê Văn Tám có 350 học sinh, trường học của ngành Công an có 100 học viên, trường của Tỉnh đội có 200 học viên (sau gọi là trường Thiếu sinh quân). Một số huyện cũng mở trường bổ túc công nông tập trung khoảng 250 học viên. Ngoài ra còn đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa, học 2 - 3 buổi trong một tuần hoặc học ban đêm, được tổ chức ở các cơ quan, ban ngành đoàn thể từ tỉnh, huyện, thị xã đến các xã, phường, thị trấn.

Tháng 3-1976, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Cần Thơ và thành phố Cần Thơ hợp nhất thành tỉnh Hậu Giang. Ngành giáo dục cũng được hợp nhất với lực lượng hàng trăm cán bộ, giáo viên kháng chiến làm nòng cốt, bộ máy cán bộ quản lý từ tỉnh đến cơ sở nhanh chóng ổn định. Thời kỳ này ông Đào Việt Dũng làm Trưởng Ty Giáo dục, Đào Huy Tâm, Nguyễn Xuân Trước, Trần Hoàng Phủ, (Ba Hải), Trương Văn Biên (Sáu Biên) làm Phó trưởng Ty.

2. Ngành giáo dục từ 1976 đến 2010

a. Giáo dục mẫu giáo

Ngành giáo dục mẫu giáo ở tỉnh Sóc Trăng chỉ mới thật sự bắt đầu sau ngày giải phóng. Ban đầu, các lớp mẫu giáo được tổ chức theo hình thức quốc

lập, được ghép chung với trường cấp I. Sau 32 năm xây dựng, ngành giáo dục mẫu giáo tỉnh Sóc Trăng không ngừng phát triển về quy mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường của nhân dân. "Đến năm học 2006 - 2007, toàn tỉnh có 83 trường mầm non, mẫu giáo tăng 80 trường so với năm 1992. Số lớp học mầm non là 1.229 lớp, tăng 1.035 lớp, giáo viên trực tiếp giảng dạy là 1.034 người, tăng 783 người. Các cháu theo học 31.405 cháu, tăng 25.894 cháu"[1].

Hầu hết các xã trong tỉnh, nếu chưa có trường mẫu giáo riêng vẫn có các lớp mẫu giáo chung với trường tiểu học. Hệ thống trường lớp mẫu giáo đã huy động được 2,43% cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ; 52,47% cháu trong độ tuổi từ 3 - 5 tuổi vào mẫu giáo. Trong đó hệ bán công, dân lập tư thục chiếm 5,7%. Trang thiết bị và đồ dùng dạy học của các trường mẫu giáo được tăng cường đầu tư, giúp cho các nhà trường thực hiện tốt các chuyên đề giáo dục: dạy cho các cháu làm quen với chữ cái, giáo dục âm nhạc, giáo dục vệ sinh... Từ đó tạo nên những chuyển biến đáng kể trong việc nâng cao chất lượng nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ.

b. Giáo dục phổ thông

Bước sang năm học 1976 - 1977, ngành giáo dục tỉnh Hậu Giang (trong đó có Sóc Trăng) tiếp tục vượt qua những khó khăn về đội ngũ giáo viên thiếu nghiêm trọng, tỉnh phải tranh thủ đào tạo cấp tốc để phục vụ cho công tác giảng dạy. Về cơ sở vật chất như trường, lớp, bàn, ghế, đồ dùng giảng dạy... chỉ ở thị xã, thị trấn, có phòng học kiên cố và các cơ sở trường tương đối khá, còn ở vùng nông thôn trường lớp mới được xây dựng chủ yếu là bằng tre lá, nhiều nơi phải học 3 - 4 ca. Riêng Sóc Trăng có trên 79.686 học sinh với 2.446 giáo viên. Như vậy trong một thời gian ngắn kể từ sau ngày giải phóng, ngành giáo dục phổ thông (chủ yếu là công lập) đã xây dựng được một hệ thống trường lớp đều khắp ở các xã, phường để thu hút đông đảo con em nhân dân đến lớp.

Sau 32 năm phát triển (1975 - 2007), ngành giáo dục phổ thông phát triển không ngừng. Mạng lưới trường lớp năm học 2006 - 2007 là 409 trường với 7.554 lớp có 225.880 học sinh, số giáo viên trực tiếp giảng dạy có 11.654 người. Tính trung bình cứ khoảng 6 người dân có một người đi học phổ thông. Phần lớn các trường đã được xây dựng mới, theo hướng kiên cố hóa, không còn tình trạng học 3 ca. Các trường học ở trung tâm xã, các trường trung học phổ thông đều có trang thiết bị dạy học khá hiện đại như phòng thí nghiệm thực hành lý, hóa, sinh, phòng vi tính, phòng nghe nhìn... Cuối năm 2006, tỉnh có 28 trường tiểu học và một trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Từ chỗ các xã vùng nông thôn chỉ có đến trường tiểu học, thì nay đã có trường trung học cơ sở và hai, ba xã có 1 trường phổ thông trung học hoặc trung học cơ sở và phổ thông trung học (cụ thể có 280 trường tiểu học;

1. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng sau 15 năm tái lập tỉnh*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2007, tr. 35.

7 trường tiểu học và trung học cơ sở; 95 trường trung học cơ sở; 13 trường trung học cơ sở và phổ thông trung học; 14 trường phổ thông trung học với hơn 32.700 học sinh phổ thông trung học, 74.000 học sinh trung học cơ sở và 119.000 học sinh tiểu học). Với hệ thống trường lớp hiện có đã huy động được 98,6% trẻ trong độ tuổi vào học tiểu học. Đặc biệt tỉnh Sóc Trăng còn có Trường Phổ thông Trung học Nội trú dành riêng cho con đồng bào dân tộc Khmer và Trường Phổ thông trung học chuyên Nguyễn Thị Minh Khai thi chọn học sinh giỏi của tỉnh vào học để đào tạo nhân tài ở địa phương. Những năm qua có nhiều học sinh phổ thông của tỉnh đã đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp quốc gia.

Năm 1999, toàn tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ. Năm 2006, có 92/105 xã, phường được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 38/105 xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đến cuối năm 2010, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 15%, tăng 2 lần so với năm 2005, toàn tỉnh cơ bản hoàn thành công tác phổ cập giáo dục cơ sở và đã triển khai thí điểm phổ cập giáo dục phổ thông ở phường 1, thành phố Sóc Trăng.

Hiện nay biên chế của ngành giáo dục đào tạo tỉnh Sóc Trăng là 15.189 người, trong đó có 1.090 cán bộ quản lý, 1.034 giáo viên mẫu giáo, mầm non, 5.830 giáo viên tiểu học, 3.740 giáo viên trung học cơ sở; 1.710 giáo viên phổ thông trung học, 147 giáo viên khối trường cao đẳng sư phạm, trung học chuyên nghiệp; 1638 cán bộ thư viện, thiết bị và nhân viên văn phòng

Trường học ở nông thôn Sóc Trăng hiện nay

Ảnh: Nguyễn Minh Hưng

(trong đó có một nhà giáo nhân dân, 8 nhà giáo ưu tú, 33 thạc sĩ, 66 đang học sau đại học).

c. Xóa mù chữ, bổ túc văn hóa và bồi dưỡng nâng cao trình độ

Phong trào xóa nạn mù chữ ở Sóc Trăng được phát động rộng rãi và đã thu được kết quả tốt đẹp, đến năm 1977, toàn tỉnh được công nhận và hoàn thành xóa nạn mù chữ. Tỉnh tiếp tục mở các lớp bổ túc văn hóa, đồng thời tiến hành cuộc vận động phổ cập giáo dục cấp I trong nhân dân dưới nhiều hình thức. Năm 1990, thực hiện mục tiêu quốc gia về chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học theo tiêu chuẩn mới, ngành giáo dục đã nắm chắc đối tượng trong độ tuổi chống mù, phổ cập giáo dục tiểu học và đã có nhiều hình thức vận động thích hợp để mở các lớp chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học. "Đến năm 1999, toàn tỉnh được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ. Năm 2006 có 92/105 xã, phường được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 38/105 xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi". Công tác bổ túc văn hóa cho đội ngũ cán bộ các ngành nhằm nâng cao trình độ học thức, đủ sức đảm đương nhiệm vụ mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng trở thành một nhu cầu cần thiết. Song song với hệ thống giáo dục phổ thông, hệ thống trường bổ túc văn hóa được hình thành dưới 2 hình thức tập trung và tại chức. Các trường bổ túc công nông, trường bổ túc văn hóa của tỉnh và một số huyện, sau này là trường trung học bổ túc, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường trung học phổ thông, ở các huyện tiếp tục được tổ chức học tập nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ các ngành, các cấp ở địa phương.

Ngoài ra tỉnh còn kết hợp với các trường đại học mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật... theo chương trình đại học nhằm đáp ứng nâng cao trình độ của cán bộ công chức và nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh.

d. Giáo dục chuyên nghiệp

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, giáo dục chuyên nghiệp ở Sóc Trăng có nhiều thay đổi. Trường Nông - Lâm - Súc giao cho Ty Nông nghiệp, không còn hoạt động nữa, Trường Trung học kỹ thuật ghép với Trường Sư phạm tiếp tục đào tạo cấp tốc và dài hạn để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, sau đó Trường Cán bộ quản lý giáo dục đã được thành lập. Đến tháng 2-2003, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận Trường Trung học Sư phạm nâng lên thành Trường Cao đẳng Sư phạm. Từ năm 1992 đến nay tỉnh còn liên kết với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế... mở các lớp đại học tại chức, đào tạo từ xa. Chỉ tính riêng hệ thống trường sư phạm của tỉnh trong 32 năm qua đã đào tạo được 3.286 cô nuôi dạy trẻ và giáo viên mẫu giáo, 10.985 giáo viên tiểu học (trong đó có 643 giáo viên dạy song ngữ Khmer - Quốc ngữ), 2.868 giáo viên trung học cơ sở, từng bước đáp ứng được nhu cầu

về giáo viên của các cấp để phát triển sự nghiệp giáo dục của mình.

Ngoài ra, trong quá trình phát triển ngành giáo dục chuyên nghiệp, nhiều trường trung tâm cũng được thành lập để đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và chuyên môn cho các ngành, các địa phương trong tỉnh như: trường Nghiệp vụ Văn hóa - Thông tin là trường sơ cấp, từ năm 1981 đến năm 2007 là trường trung cấp, sau là Trường Trung học Văn hóa nghệ thuật. Tính đến năm 2006 đã bồi dưỡng, đào tạo được 8.796 lượt người (trong đó liên kết với Trường Đại học Văn hóa Hà Nội và Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh mở 1 lớp đại học tại chức được 44 học viên).

- Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh đã liên kết với các trường cao đẳng, dạy nghề các tỉnh như Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Cần Thơ, Trường Trung học cơ điện phát triển nông thôn Nam Bộ... đã đào tạo bồi dưỡng được 9.256 lượt người (trong đó có 1.327 công nhân kỹ thuật đào tạo dài hạn, 3.169 công nhân kỹ thuật hệ không chính quy và 4.779 người bồi dưỡng các ngành nghề ngắn hạn);

- Năm 1997, tỉnh Sóc Trăng thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên, nay là Trường Cao đẳng Cộng đồng đã liên kết với Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm học 2006 - 2007 đã có 2.358 người tốt nghiệp đại học và 574 người tốt nghiệp cao đẳng. Hiện nay số học sinh, sinh viên đang học là 2.018 người;

- Trường Trung cấp Nghề tỉnh thành lập năm 2002 đến tháng 6-2007 là Trường Cao đẳng Nghề đã đào tạo bồi dưỡng được 4.469 người (trong đó đã tốt nghiệp các lớp dài hạn (2002 - 2006) là 239 người);

- Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng cán bộ y tế thành lập năm 1992, đến tháng 8-2001 là Trường Trung học Y tế, từ năm 1992 đến 2006 đã mở được 20 lớp dược tá với 952 người, 7 lớp y tá với 280 người; 3 lớp trung học hộ sinh với 138 người; 5 lớp trung học điều dưỡng với 234 người; bồi dưỡng 6 lớp y tế cơ sở cộng đồng 166 người.

- Trường Nghiệp vụ Thể dục - Thể thao thành lập năm 1995 đã liên kết với Đại học Thể dục - Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh mở 2 lớp đại học tại chức được 130 người, mở 1 lớp trung cấp thể dục thể thao, 2 lớp hướng dẫn thể dục thể thao cơ sở 450 người. Các trung tâm, các trường chuyên nghiệp đã góp phần đào tạo nghề cho người lao động, tính đến năm 2006, số lao động đã qua đào tạo của toàn tỉnh là 78.131 người, chiếm tỷ lệ 11,79%. Số sinh viên, học sinh đang đào tạo dài hạn và tại chức năm 2006 là 4.759 người. Trong đó đào tạo trung cấp 2.109 người, cao đẳng 1.072 người và đại học 1.578 người. Ngoài ra có trên 3.400 người đang theo học các lớp cao đẳng, đại học theo phương thức đào tạo từ xa.

Đặc biệt, tỉnh đã triển khai thực hiện đề án Đào tạo sau đại học trong và ngoài nước. Đến cuối năm 2010 đã đưa đi đào tạo được 108 cán bộ và sinh viên, trong đó đào tạo ở nước ngoài là

29 người, trong đó có 3 tiến sĩ; trong nước là 79 người, trong đó có 3 tiến sĩ.

Nhìn một cách tổng quát, từ sau ngày giải phóng đến nay, ngành giáo dục Sóc Trăng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự quan tâm của chính quyền và sự hỗ trợ tích cực của nhân dân đã không ngừng phát triển quy mô cũng như về chất lượng, phát huy được hiệu quả, nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Do những thành tích đã đạt được, ngành giáo dục tỉnh Sóc Trăng đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.